

Số: 894 /QĐ-UBND

Lâm Đồng, ngày 07 tháng 5 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH
**Ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và
phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Bảo vệ và phát triển rừng ngày 03/12/2004;
Căn cứ Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về
Quỹ bảo vệ và phát triển rừng;

Căn cứ Quyết định số 111/2008/QĐ-BNN ngày 18/11/2008 của Bộ Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành Điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt
động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về
chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Xét Tờ trình số 51/TTr-SNN ngày 27/3/2014 của Sở Nông nghiệp và Phát
triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tỉnh Lâm Đồng tại Tờ trình số
257/TTr-SNV ngày 11/4/2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký, thay thế Điều lệ được
ban hành kèm theo Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 17/02/2009 của UBND
tỉnh Lâm Đồng và Quyết định số 1318/QĐ-UBND ngày 16/6/2010 của UBND
tỉnh Lâm Đồng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nội vụ, Nông
nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi
trường, Công Thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Cục trưởng Cục thuế; Thủ
trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan, Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ và Giám
đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết
định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban TC Tỉnh ủy;
- Như Điều 3;
- UBND các huyện; Tp. Đà Lạt, Bảo Lộc;
- LĐVP: CV: TC; TKCT;
- Lưu: VT, LN.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Xuân Tiến

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng
(Ban hành kèm theo Quyết định số 894 /QĐ-UBND ngày 04/5/2014
của UBND tỉnh Lâm Đồng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Điều lệ này quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy, nguồn tài chính và hoạt động của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP ngày 14/01/2008 của Chính phủ về Quỹ bảo vệ và phát triển rừng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 05/2008/NĐ-CP).

Điều 2. Địa vị pháp lý của Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng

1. Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng (sau đây gọi tắt là Quỹ) là một tổ chức tài chính Nhà nước, trực thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Lâm Đồng, do UBND tỉnh Lâm Đồng thành lập theo Quyết định số 333/QĐ-UBND ngày 17/02/2009.

2. Vốn ban đầu của Quỹ: 10.000.000.000 đồng.

3. Trụ sở của Quỹ: Tại thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng; số điện thoại liên hệ: 0633.577667, Fax: 0633.577617.

4. Tên gọi của Quỹ: Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Lâm Đồng.

5. Tên giao dịch quốc tế: Lam Dong Forest Protection and Development Fund (Lam Dong FPDF).

6. Quỹ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước và các Ngân hàng theo quy định pháp luật.

Điều 3. Mục đích thành lập và nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Mục đích thành lập của Quỹ:

a) Huy động các nguồn lực của xã hội để bảo vệ và phát triển rừng, góp phần thực hiện chủ trương xã hội hoá nghề rừng.

b) Nâng cao nhận thức và trách nhiệm đối với công tác bảo vệ và phát triển rừng của những người được hưởng lợi từ rừng hoặc có các hoạt động ảnh hưởng trực tiếp đến rừng.

c) Nâng cao năng lực và hiệu quả trong quản lý, sử dụng và bảo vệ rừng cho các chủ rừng, góp phần thực hiện chiến lược phát triển lâm nghiệp.

2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ:

a) Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận, nhưng phải bảo toàn vốn nhà nước cấp ban đầu.

b) Quỹ hỗ trợ cho các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu đầu tư.

c) Phải đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, sử dụng đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật.

Chương II

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN CỦA QUỸ

Điều 4. Chức năng của Quỹ

1. Tiếp nhận vốn ngân sách của tỉnh, vốn tài trợ, viện trợ từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để tạo nguồn vốn.

2. Tiếp nhận, quản lý nguồn vốn ủy thác từ các tổ chức cá nhân trong và ngoài nước để thực hiện các hoạt động theo hợp đồng ủy thác.

3. Tiếp nhận và quản lý các khoản đóng góp bắt buộc theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 99/2010/NĐ-CP).

4. Thực hiện hỗ trợ vốn cho các chương trình, dự án, hoạt động phi dự án theo quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Quỹ

1. Nhiệm vụ:

Nhiệm vụ của Quỹ được quy định tại Khoản 1, Điều 6 Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và các Khoản 1; 2; 3; 4; 5; 6, Điều 17 Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.

2. Quyền hạn:

a) Phân bổ kinh phí cho từng chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo kế hoạch hàng năm được phê duyệt.

b) Kiểm tra, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được Quỹ hỗ trợ.

c) Đình chỉ, thu hồi kinh phí đã hỗ trợ khi phát hiện tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn vi phạm cam kết về sử dụng kinh phí hoặc vi phạm các quy định khác của pháp luật liên quan.

d) Kiến nghị với cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành, bổ sung, sửa đổi các quy định về đối tượng và các hoạt động được hỗ trợ từ Quỹ.

Chương III

NGUỒN VỐN VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 6. Nguồn tài chính hình thành Quỹ

1. Nguồn thu từ các khoản đóng góp bắt buộc của các đối tượng quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP và Nghị định số 99/2010/NĐ-CP.

2. Tài trợ, đóng góp tự nguyện của các tổ chức quốc tế; tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước.

3. Vốn nhận ủy thác từ các tổ chức quốc tế, tổ chức và cá nhân trong nước và ngoài nước, từ các Quỹ và các nguồn tài chính khác.

4. Nguồn hỗ trợ từ Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Trung ương.

Điều 7. Đối tượng và nội dung được hỗ trợ

1. Đối tượng được hỗ trợ là các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư có chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án theo các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Các nội dung được hỗ trợ:

a) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về bảo vệ và phát triển rừng.

b) Thử nghiệm và phổ biến, nhân rộng mô hình bảo vệ và phát triển rừng, quản lý rừng bền vững.

c) Hỗ trợ kinh phí để chống chặt phá rừng và sản xuất, kinh doanh, vận chuyển lâm sản trái phép.

d) Thử nghiệm, ứng dụng giống cây trồng lâm nghiệp mới.

đ) Hỗ trợ trồng cây phân tán.

e) Phát triển lâm sản ngoài gỗ trên đất lâm nghiệp.

g) Đào tạo nguồn nhân lực cho việc bảo vệ và phát triển rừng ở cơ sở.

h) Thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án khác do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước ủy thác.

Điều 8. Điều kiện được hỗ trợ

1. Chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án phù hợp với nội dung được hỗ trợ quy định tại Khoản 2, Điều 7 Điều lệ này và được cấp có thẩm quyền quyết định.

2. Tổ chức được hỗ trợ có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn về lâm nghiệp và kinh nghiệm thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án thực hiện nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng.

3. Hộ gia đình, cá nhân, công đồng dân cư được hỗ trợ có đủ năng lực dân sự thực hiện chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án do Quỹ hỗ trợ.

4. Có cam kết hoàn trả toàn bộ hoặc một phần vốn nếu nguồn hỗ trợ có điều kiện phải hoàn trả.

Điều 9. Phương thức hỗ trợ tài chính của Quỹ

1. Hỗ trợ không hoàn lại toàn phần hoặc một phần vốn cho việc thực hiện các chương trình, dự án hoặc các hoạt động phi dự án được quy định tại Điều 7 Điều lệ này.

2. Danh mục hỗ trợ cho các hoạt động, nhiệm vụ bảo vệ và phát triển rừng, môi trường rừng hàng năm được cấp có thẩm quyền quyết định.

Điều 10. Nhận ủy thác và ủy thác

1. Nhận ủy thác:

a) Quỹ được nhận ủy thác tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo hợp đồng nhận ủy thác.

b) Quỹ được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng nhận ủy thác.

2. Ủy thác:

a) Quỹ được quyền ủy thác cho các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính thực hiện các nội dung ủy thác theo hợp đồng ủy thác.

b) Các tổ chức nhận ủy thác được hưởng mức phí dịch vụ nhận ủy thác. Mức phí dịch vụ nhận ủy thác do các bên thỏa thuận và ghi trong hợp đồng ủy thác.

Chương IV

TỔ CHỨC BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA QUỸ

Điều 11. Tổ chức bộ máy

Cơ cấu tổ chức của Quỹ gồm có Hội đồng quản lý Quỹ, Ban Kiểm soát và bộ máy điều hành.

Điều 12. Tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản lý Quỹ

1. Hội đồng quản lý Quỹ (sau đây gọi tắt là Hội đồng) có 9 thành viên; mỗi thành viên được gọi là một ủy viên Hội đồng. Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Phó Chủ tịch Hội đồng là Giám đốc Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng; các thành viên, là lãnh đạo của các sở, ngành: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính, Tài nguyên và Môi trường, Kế hoạch và Đầu tư, Công thương, Văn hóa Thể thao và Du lịch; Cục thuế.

Hội đồng hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, ngoại trừ Phó Chủ tịch Hội đồng kiêm Giám đốc Quỹ là chuyên trách.

2. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng; Trưởng ban Kiểm soát và Kế toán trưởng của Quỹ không được bố trí vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của mình giữ chức vụ lãnh đạo về tổ chức nhân sự, kế toán tài vụ; thủ quỹ, thủ kho của Quỹ.

3. Nhiệm kỳ của ủy viên Hội đồng không quá 05 năm; ủy viên của Hội đồng có thể được bổ nhiệm lại theo quy định.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm ủy viên Hội đồng do UBND tỉnh quyết định.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng

1. Tổ chức nhận, quản lý và sử dụng có hiệu quả vốn ngân sách và các nguồn lực do Nhà nước giao cho Quỹ.

2. Được sử dụng con dấu của Quỹ trong việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng.

3. Ban hành các loại Quy chế liên quan đến hoạt động của Quỹ.
4. Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các thành viên của Ban kiểm soát theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát.
5. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phân cấp, điều chỉnh phân cấp giữa Hội đồng và Giám đốc Quỹ trong việc quyết định hỗ trợ vốn.
6. Thông qua kế hoạch kinh phí và báo cáo tài chính hàng năm của Quỹ.
7. Chịu trách nhiệm tập thể về hoạt động của Hội đồng và chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc được phân công trước Chủ tịch UBND tỉnh và trước pháp luật.
8. Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm khác theo quy định của Nghị định số 05/2008/NĐ-CP, Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Điều 14. Nhiệm vụ và quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng

1. Thay mặt Hội đồng, cùng Giám đốc Quỹ ký nhận vốn và các nguồn lực khác do Nhà nước giao cho Quỹ.
2. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của Hội đồng theo quy định tại Điều 13 Điều lệ này.
3. Thay mặt Hội đồng ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng.
4. Tổ chức theo dõi và giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng; có quyền huỷ bỏ các quyết định của Giám đốc Quỹ trái với nghị quyết, quyết định của Hội đồng.
5. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng ủy quyền cho Phó Chủ tịch Hội đồng hoặc cho ủy viên Hội đồng thực hiện một số nhiệm vụ thuộc thẩm quyền. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng về các công việc được ủy quyền.
6. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Chế độ làm việc của Hội đồng

1. Hội đồng làm việc theo chế độ tập thể, họp thường kỳ tối thiểu 3 tháng một lần để xem xét và quyết định những vấn đề thuộc thẩm quyền và trách nhiệm của Hội đồng. Khi cần thiết, Hội đồng họp bất thường để giải quyết các vấn đề cấp bách của Quỹ theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng, hoặc theo đề nghị của Giám đốc Quỹ hoặc Trưởng ban Kiểm soát, sau khi được Chủ tịch Hội đồng chấp thuận.
2. Các ủy viên Hội đồng có trách nhiệm bố trí thời gian tham dự đầy đủ các phiên họp của Hội đồng; trường hợp không dự họp được thì phải báo cáo và được Chủ tịch Hội đồng chấp thuận. Các cuộc họp của Hội đồng do Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch (trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt) làm chủ tọa và được tiến hành khi có ít nhất 2/3 số ủy viên của Hội đồng tham dự.
3. Tài liệu họp phải được chuẩn bị và gửi tới các ủy viên Hội đồng tối thiểu 3 ngày làm việc trước ngày họp. Nội dung cuộc họp phải được ghi chép đầy đủ vào biên bản họp.

4. Hội đồng quyết định các vấn đề theo nguyên tắc đa số, mỗi ủy viên Hội đồng có một phiếu biểu quyết ngang nhau. Các quyết định của Hội đồng có hiệu lực khi có ít nhất 50% trở lên tổng số ủy viên trong Hội đồng có mặt biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì ý kiến theo phiếu của Chủ tịch Hội đồng là quyết định cuối cùng; ủy viên Hội đồng có quyền bảo lưu ý kiến của mình.

5. Nội dung và kết luận của các cuộc họp Hội đồng phải được ghi rõ trong biên bản cuộc họp được Chủ tịch Hội đồng ký, trong một số trường hợp đặc biệt có thể được tất cả các ủy viên tham dự cuộc họp ký. Kết luận của cuộc họp được thể hiện bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng và phải được gửi tới tất cả các ủy viên của Hội đồng.

6. Chủ tịch Hội đồng thay mặt Hội đồng ký ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hậu quả phát sinh từ các quyết định đó. Chủ tịch Hội đồng có thể ủy quyền bằng văn bản cho Phó Chủ tịch Hội đồng ký thay.

7. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng có tính bắt buộc thi hành đối với hoạt động của Quỹ. Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định đó. Giám đốc Quỹ có quyền đề nghị Hội đồng xem xét lại hoặc bảo lưu ý kiến và báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong thời gian chưa có quyết định khác của Hội đồng hay quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh thì phải chấp hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng.

Điều 16. Tổ chức Ban kiểm soát Quỹ

1. Ban kiểm soát có tối đa 03 thành viên, giúp Hội đồng giám sát hoạt động của bộ máy điều hành Quỹ. Ban kiểm soát hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Trưởng Ban Kiểm soát Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm theo đề nghị của Hội đồng.

3. Các thành viên khác của Ban kiểm soát Quỹ do Chủ tịch Hội đồng bổ nhiệm theo đề nghị của Trưởng ban Kiểm soát Quỹ.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát Quỹ hoạt động theo Quy chế do Hội đồng phê duyệt. Ban Kiểm soát còn có các nhiệm vụ và quyền hạn sau:

1. Kịp thời phát hiện và báo cáo ngay với Hội đồng; trong trường hợp cần thiết thì báo cáo trực tiếp với Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về những hoạt động không bình thường, có dấu hiệu vi phạm pháp luật, hoặc các vi phạm trong việc quản lý tài chính của bộ máy điều hành Quỹ.

2. Không được tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa được Hội đồng chấp thuận.

3. Trưởng Ban kiểm soát Quỹ chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Hội đồng và pháp luật về những tiêu cực hoặc bỏ qua các hành vi vi phạm đã phát hiện; về các thiệt hại của Quỹ nếu tiết lộ kết quả kiểm tra, kiểm soát khi chưa có sự chấp thuận của Hội đồng.

Điều 18. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Quỹ

1. Giám đốc là người đại diện pháp nhân của Quỹ, chịu trách nhiệm trước Hội đồng và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động nghiệp vụ của Quỹ, do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm.

2. Giám đốc Quỹ có các nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Đại diện pháp nhân của Quỹ trước pháp luật trong việc tố tụng, tranh chấp, giải thể và những vấn đề thuộc phạm vi điều hành tác nghiệp của Quỹ.

b) Xây dựng kế hoạch hoạt động dài hạn và hàng năm, xây dựng kế hoạch huy động vốn, kế hoạch tài chính trình Hội đồng thông qua.

c) Chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch đã được duyệt và các hoạt động khác của Quỹ phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định khác có liên quan.

d) Căn cứ các Quy chế hoạt động nghiệp vụ do Hội đồng ban hành, ban hành các quy định về nghiệp vụ hoạt động của Quỹ.

đ) Thực hiện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về các hoạt động của Quỹ cho Hội đồng, UBND tỉnh, Sở Tài chính.

e) Đề nghị Hội đồng trình Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với Phó Giám đốc, Kế toán trưởng của Quỹ.

g) Thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn khác của Quỹ do Hội đồng ủy nhiệm nhưng không được trái với quy định tại Nghị định số 05/2008/NĐ-CP, Nghị định số 99/2010/NĐ-CP và các quy định khác có liên quan.

Điều 19. Phó Giám đốc

1. Số lượng: Không quá 03 Phó Giám đốc Quỹ.

2. Các Phó Giám đốc Quỹ giúp việc cho Giám đốc Quỹ theo địa bàn phụ trách và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ về nhiệm vụ được phân công. Khi Giám đốc Quỹ vắng mặt, một Phó Giám đốc được Giám đốc Quỹ ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Quỹ.

3. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Giám đốc Quỹ do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Kế toán trưởng

1. Kế toán trưởng là người giúp việc cho Giám đốc Quỹ, có trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Luật Kế toán, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ, Chủ tịch Hội đồng, Ủy ban nhân dân tỉnh và trước pháp luật về công việc được giao.

2. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Kế toán trưởng do Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quyết định theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Bộ máy điều hành

1. Bộ máy điều hành do Hội đồng quyết định thành lập gồm 4 phòng chuyên môn nghiệp vụ sau:

- Phòng Hành chính - Tổng hợp.
- Phòng Kế toán - Tài vụ.
- Phòng Kiểm tra - Giám sát.
- Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật.

Mỗi phòng chuyên môn nghiệp vụ có 01 trưởng phòng và 01 phó trưởng phòng. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các phòng do Giám đốc Quỹ qui định.

Lãnh đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ do Giám đốc Quỹ bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng và kỷ luật theo qui định hiện hành.

2. Lãnh đạo các phòng chuyên môn nghiệp vụ và viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, chịu trách nhiệm trước Giám đốc Quỹ và trước pháp luật về nhiệm vụ được giao.

Điều 22. Kinh phí hoạt động, chế độ lương, phụ cấp

1. Kinh phí hoạt động của Hội đồng, Ban Kiểm soát Quỹ và Ban điều hành Quỹ được tính vào chi phí quản lý của Quỹ.

2. Các thành viên chuyên trách được hưởng chế độ tiền lương, thưởng, phụ cấp theo quy định hiện hành. Các thành viên làm việc theo chế độ kiêm nhiệm được hưởng các khoản phụ cấp theo quy định về chế độ kiêm nhiệm.

Chương V

CHẾ ĐỘ TÀI CHÍNH - KẾ TOÁN

Điều 23. Chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán

1. Chế độ tài chính, kế toán của Quỹ thực hiện theo quy định do Bộ Tài chính ban hành.

2. Quỹ phải tổ chức bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán.

3. Chế độ kiểm toán: Quỹ phải tổ chức bộ máy kế toán theo quy định và thực hiện Kiểm toán theo quy định của pháp luật. Báo cáo tài chính của Quỹ phải được một tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán.

Chương VI

XỬ LÝ TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 24. Xử lý tranh chấp

Mọi tranh chấp giữa Quỹ với pháp nhân và thể nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động của Quỹ được xử lý theo pháp luật hiện hành.

Điều 25. Tổ chức lại, giải thể Quỹ

Việc tổ chức lại, hoặc giải thể Quỹ do Hội đồng đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định; các trường hợp khác thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 26. Tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các đơn vị thuộc Quỹ

Việc tổ chức lại, sáp nhập, thành lập mới các phòng nghiệp vụ trực thuộc bộ máy điều hành của Quỹ do Hội đồng quyết định theo đề nghị của Giám đốc Quỹ, trên cơ sở phương thức tổ chức bộ máy quản lý đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Điều khoản thi hành

1. Hội đồng, Giám đốc Quỹ có trách nhiệm tổ chức thi hành Điều lệ này.
2. Trong quá trình thực hiện, Quỹ có trách nhiệm tổng kết hoạt động, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ này (nếu cần thiết)./y/s

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Tiến